TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **32/**2019/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 25 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 332/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2018 giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị A,** sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà 68, tổ 20, phường Th, thành phố T, tỉnh Q.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn A,** sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số nhà 68, tổ 20, phường th, thành phố T, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Tuấn A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 30/6/2008 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao con chung là Nguyễn Kiều O, sinh ngày 04/3/2010 cho anh Nguyễn Tuấn A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Tuấn A không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự xác định tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Các đương sự xác định không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị A tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000177 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị A số tiền chênh lệch là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Anh Nguyễn Tuấn A không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND p. Th (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

Nguyễn Thị Ngọc Lan